**Thứ hai ngày 22 tháng 11 năm 2021**

***Tập đọc***

**MÙA THẢO QUẢ**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:** Hiểu nội dung: Vẻ đẹp và sự sinh sôi của rừng thảo quả .(Trả lời được các câu hỏi trong SGK)

- HS (M3,4) nêu được tác dụng của cách dùng từ, đặt câu để miêu tả sự vật sinh động.

-Biết đọc diễn cảm bài văn, nhấn mạnh những từ ngữ tả hình ảnh, màu sắc, mùi vị của rừng thảo quả.

**2. Năng lực:**

- Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

- Năng lực văn học, năng lực ngôn ngữ, năng lực thẩm mĩ.

**3. Phẩm chất:** HS biết yêu quý chăm sóc cây cối.

**II. CHUẨN BỊ**

**Đồ dùng dạy học**

- Giáo viên: + Tranh minh hoạ bài học

+ Bảng phụ ghi sẵn đoạn văn cần luyện đọc

- Học sinh: Sách giáo khoa

**III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động học tập của HS** | **Hoạt động tổ chức, hướng dẫn**  **của GV** |
| **1. Hoạt động khởi động: (3 phút)** | |
| - Lớp trưởng điều khiển cả lớp hát  - Lớp phó học tập lên cho lớp thi đọc  - HS thi đọc bài ***Chuyện một khu vườn nhỏ*** và trả lời câu hỏi:  + Đọc đoạn 1,2 : Bé Thu ra ban công để làm gì?  + Đọc đoạn 3: Vì sao khi thấy chim bay về đậu ở ban công, Thu muốn báo ngay cho Hằng biết?  - Lớp nhận xét  - HS ghi vở | - Quan sát  - Nhận xét, kết luận  - Giới thiệu bài - Ghi bảng |
| **2. Hoạt động hình thành kiến thức mới: (10 phút)** | |
| - 1 HS đọc to cả bài, chia đoạn  - Nhóm trưởng điều khiển nhóm đọc  + 3 HS đọc nối tiếp lần 1 kết hợp luyện đọc từ khó, câu khó.  + Từ khó: *lướt thướt, quyến, ngọt lựng, thơm nồng, chín nục...*  + Câu: *Gió thơm./ Cây cỏ thơm./Đất trời thơm.*  + 3 HS đọc nối tiếp lần 2 kết hợp giải nghĩa từ.  - HS đọc cho nhau nghe theo cặp  - 1 HS đọc bài  - HS nghe | - Gọi 1 HS đọc toàn bài, chia đoạn  - Cho nhóm trưởng điều khiển nhóm đọc bài  + Đoạn 1: *Từ đầu....nếp áo, nếp khăn*  + Đoạn 2: *Tiếp theo....không gian*  + Đoạn 3: *Còn lại*    - HS luyện đọc theo cặp  - Gọi HS đọc toàn bài  - GV đọc mẫu: *Toàn bài đọc với giọng nhẹ nhàng thể hiện cảm hứng ca ngợi vẻ đẹp của rùng thảo quả.* |
| **3. Hoạt động thực hành: (10 phút)** | |
| - Nhóm trưởng điều khiển nhóm đọc bài, TLCH, chia sẻ trước lớp  + Thảo quả báo hiệu vào mùa bằng mùi thơm đặc biệt quyến rũ lan xa, làm cho gió thơm, cây cỏ thơm, đất trời thơm, từng nếp áo, nếp khăn của người đi rừng cũng thơm.  + Các từ *thơm, hương* được lặp đi lặp lại cho ta thấy thảo quả có mùi hương đặc biệt  - Ý 1: Thảo quả báo hiệu vào mùa  + Qua một năm đã lớn cao tới bụng người. Một năm sau nữa, mỗi thân lẻ đâm thêm hai nhánh mới. Thoáng cái, thảo quả đã thành từng khóm lan toả, vươn ngọn xoè lá, lấn chiếm không gian  - Ý 2: Sự phát triển rất nhanh của thảo quả  + Hoa thảo quả nảy dưới gốc cây  + Khi thảo quả chín rừng rực lên những chùm quả đỏ chon chót, như chứa nắng, chứa lửa. Rừng ngập hương thơm. Rừng sáng như có lửa hắt lên từ dưới đáy rừng . Rừng say ngây và ấm nóng. Thảo quả như những đốm lửa hồng thắp lên nhiều ngọn mới, nhấp nháy  + Bài văn cho ta thấy vẻ đẹp , hương thơm đặc biệt, sự sinh sôi, phát triển nhanh đến bất ngờ của thảo quả qua nghệ thuật miêu tả đặc sắc của nhà văn  - 1 HS đọc to  - HS theo dõi | - Cho HS đọc bài, trả lời câu hỏi theo nhóm, chia sẻ trước lớp.  - Thảo quả báo hiệu vào mùa bằng cách nào?  - Cách dùng từ đặt câu ở đoạn đầu có gì đáng chú ý?  - Nội dung ý 1 ?  - Tìm những chi tiết cho thấy cây thảo quả phát triển nhanh?  - Nội dung ý 2 ?  - Hoa thảo quả nảy ở đâu?  - Khi thảo quả chín rừng có gì đẹp?  - Đọc bài văn ta cảm nhận được điều gì?  - Gọi 1HS đọc  - GV đọc mẫu |
| **Luyện đọc hay (6 phút)** | |
| - 3 HS đọc to  - HS nghe  - HS nghe  - HS đọc cho nhau nghe  - 3 HS đại diện 3 nhóm thi đọc | - 3 HS đọc nối tiếp toàn bài  - GV treo bảng phụ ghi đoạn cần luyện đọc: *Thảo quả trên rừng Đản Khao...nếp áo, nếp khăn.*  - GV hướng dẫn cách đọc  - GV đọc mẫu  - HS đọc trong nhóm  - HS thi đọc  - GV nhận xét. |
| **4. Hoạt động vận dụng: (4 phút)** | |
| - HS nêu  - HS nêu  - Tía tô, sả, cây nhọ nồi,... | + Bài văn ca ngợi điều gì ?  + Cây thảo quả có tác dụng gì ?  + Ngoài cây thảo quả, em hãy nêu tên  một vài loại cây thuốc Nam mà em biết?  - Nhận xét tiết dạy |

**IV. Điều chỉnh sau tiết dạy** (nếu có)

..........................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

***Chính tả***

**MÙA THẢO QUẢ (Nghe – viết)**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức:**

- Viết đúng bài chính tả, trình bày đúng hình thức bài văn xuôi.

- Rèn kĩ năng phân biệt ***s/x.***

**-** Làm được bài tập 2a, 3a.

**2. Năng lực**:

- Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

- Năng lực văn học, năng lực ngôn ngữ, năng lực thẩm mĩ.

**3. Phẩm chất:** Giáo dục HS ý thức rèn chữ, giữ vở, trung thực.

**II. CHUẨN BỊ:**

- GV:Bảng phụ, SGK,...

- HS: SGK, vở viét

**III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động học tập của HS** | **Hoạt động tổ chức, hướng dẫn**  **của GV** |
| **1. Hoạt động khởi động:(4 phút)** | |
| - Lớp trưởng điều khiển cả lớp hát  - HS tổ chức chơi trò chơi "Truyền điện" tìm các từ láy âm đầu ***n***  - HS chơi trò chơi  - HS nghe  - HS mở SGK, ghi vở | - Theo dõi  - GV nhận xét, tuyên dương  **-** *Giới thiệu bài***:** Tiết chính tả hôm nay chúng ta cùng nghe - viết một đoạn trong bài: *Mùa thảo quả* |
| **2.Hoạt động hình thành kiến thức mới: (20 phút)** | |
| **2.1. Chuẩn bị viết chính tả:(5 phút)**  - HS đọc đoạn viết  + Đoạn văn tả quá trình thảo quả nảy hoa kết trái và chín đỏ làm cho rừng ngập hương thơm và có vẻ đẹp đặc biệt  + HS nêu từ khó  + HS viết từ khó: *sự sống, nảy, lặng lẽ, mưa rây bụi, rực lên, chứa lửa, chứa nắng, đỏ chon chót.*. | *\* Trao đổi về nội dung bài văn*  - Gọi HS đọc đoạn văn  - Em hãy nêu nội dung đoạn văn?  *\* Hướng dẫn viết từ khó*  - Yêu cầu HS tìm từ khó  - HS luyện viết từ khó |
| **2.2. HĐ viết bài chính tả. *(15 phút)*** | |
| - HS nghe  - HS theo dõi.  - HS viết theo lời đọc của GV.  - HS soát lỗi chính tả. | - Giáo viên nhắc học sinh những vấn đề cần thiết: Viết tên bài chính tả vào giữa trang vở. Chữ đầu câu viết hoa lùi vào 1 ô, quan sát kĩ từng chữ trên bảng, đọc nhẩm từng cụm từ để viết cho đúng, đẹp, nhanh; ngồi viết đúng tư thế, cầm viết đúng qui định.  - GV đọc mẫu lần 1.  - GV đọc lần 2 (đọc chậm)  - GV đọc lần 3. |
| **2.3. HĐ chấm và nhận xét bài *(3 phút)*** | |
| - Học sinh thu vở  - HS theo dõi. | - GV chấm 3-5bài.  - Nhận xét bài viết của HS |
| **3. HĐ luyện tập, thực hành: *(6 phút)*** | |
| Cả lớp theo dõi  - HS thi theo kiểu tiếp sức.  ***+ sổ – xổ:*** sổ sách- xổ số; vắt sổ- xổ lồng; sổ mũi- xổ chăn; cửa sổ- chạy xổ ra; sổ sách- xổ tóc  ***+ sơ -xơ:*** sơ sài- xơ múi; sơ lược- xơ mít; sơ qua- xơ xác; sơ sơ- xơ gan; sơ sinh- xơ cua  ***+ su – xu:*** su su- đồng xu; su hào- xu nịnh; cao su- xu thời; su sê- xu xoa  ***+ sứ – xứ:*** bát sứ- xứ sở; đồ sứ- tứ xứ; sứ giả- biệt xứ; cây sứ- xứ đạo; sứ quán- xứ uỷ.  - HS đọc yêu cầu  - HS làm bài theo nhóm, chia sẻ kết quả  + Dòng thứ nhất là các tiếng đều chỉ con vật dòng thứ 2 chỉ tên các loài cây. | **Bài 2a: HĐ trò chơi**  - HS đọc yêu cầu  - Tổ chức HS làm bài dưới dạng tổ chức trò chơi  + Các cặp từ :  **Bài 3a: HĐ nhóm**  - Gọi HS đọc yêu cầu  - HS làm việc theo nhóm làm vào bảng nhóm gắn lên bảng, đọc bài.  - Nghĩa ở các tiếng ở mỗi dòng có điểm gì giống nhau?  - Nhận xét kết luận các tiếng đúng |
| **4. Hoạt động vận dụng: (2 phút)** | |
| - Lắng nghe | - Nhận xét tiết học.  - Nhắc nhở học sinh mắc lỗi chính tả về nhà viết lại các từ đã viết sai. Xem trước bài chính tả sau |

**IV. Điều chỉnh sau tiết dạy** (nếu có)

...........................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

***Toán***

**NHÂN MỘT SỐ THẬP PHÂN VỚI 10, 100, 1000,....**

**I. MỤC TIÊU:**

***1.* Kiến thức:**

-Nhân nhẩm 1 số thập phân với 10, 100, 1000 …

- Chuyển đổi đơn vị đo của số đo độ dài dưới dạng số thập phân.

- Vận dụng nhân nhẩm và chuyển đổi đơn vị đo của số đo độ dài dưới dạng số thập phân để làm các bài toán có liên quan.

- HS cả lớp làm được bài 1, bài 2.

**2. Năng lực:**

- Năng tư chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo,

- Năng lực tư duy và lập luận toán học, năng lực mô hình hoá toán học, năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực giao tiếp toán học, năng lực sử dụng công cụ và phương tiện toán học

**3. Phẩm chất:** Giáo dục học sinh tính cẩn thận, gọn gàng, khoa học. Yêu thích học toán.

**II. CHUẨN BỊ**

**Đồ dùng dạy học**

- Giáo viên: Sách giáo khoa, bảng phụ.

- Học sinh: Sách giáo khoa, vở viết...

**III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động học tập của HS** | **Hoạt động tổ chức, hướng dẫn**  **của GV** |
| **1. Hoạt động khởi động: (5 phút)** | |
| - HS tổ chức chơi trò chơi"Nối nhanh, nối đúng"   |  |  |  | | --- | --- | --- | | 2,5 x 4 |  | 36 | | 4,5 x 8 | 2 | | 0,5 x 4 | 11 | | 5,5 x 2 | 10 |   - Cách chơi: Gồm hai đội, mỗi đội có 4 em tham gia chơi. Khi có hiệu lệnh nhanh chóng lên nối phép tính với kết quả đúng. Đội nào nhanh và đúng hơn thì đội đó thắng, các bạn HS còn lại cổ vũ cho 2 đội chơi.  - HS tham gia chơi trò chơi  - HS nghe  - HS mở sách, vở ghi đầu bài | - Quan sát, theo dõi  \  - GV nhận xét  - Giới thiệu bài - Ghi bảng |
| **2. Hoạt động hình thành kiến thức: (15 phút)** | |
| - 1 HS lên bảng thực hiện, HS cả lớp làm bài vào vở nháp.  27,867  10    278,670    - HS nhận xét theo hướng dẫn của GV.  + Thừa số thứ nhất là 27,867 thừa số thứ hai là 10, tích là 278,67.  + Nếu ta chuyển dấu phẩy của số 27,867 sang bên phải một chữ số thì ta được số  278,67.  + Khi nhân một số thập phân với 10 ta chỉ cần chuyển dấu phẩy của số đó sang bên phải một chữ số là được ngay tích.  - 1 HS lên bảng thực hiện phép tính, HS cả lớp làm bài vào giấy nháp.  53,286  100    5328,600  - HS cả lớp theo dõi.  - HS nêu : 53,286 100 = 5328,6  - HS nhận xét theo hướng dẫn của GV.  + Nếu chuyển dấu phẩy của số 53,286 sang bên phải hai chữ số thì ta được số 5328,6  + Khi cần tìm tích 53,286 100 ta chỉ cần chuyển dấu phẩy của 53,286 sang bên phải hai chữ số là được tích 5328,6 mà không cần thực hiện phép tính.  + Khi nhân một số thập phân với 100 ta chỉ cần chuyển dấu phẩy sang bên phải hai chữ số là được ngay tích.  - Cho HS thảo luận cặp đôi để nêu quy tắc sau đó chia sẻ trước lớp.  - Muốn nhân một số thập phân với 10 ta chỉ cần chuyển dấu phẩy của số đó sang bên phải một chữ số.  - Số 10 có một chữ số 0.  - Muốn nhân một số thập phân với 100 ta chuyển dấu phẩy của số đó sang bên phải hai chữ số.  - Số 100 có hai chữ số 0.  - Muốn nhân một số thập phân với 1000 ta chỉ việc chuyển dấu phẩy của số đó sang bên phải ba chữ số.  - 3,4 HS nêu trước lớp.  - HS nghe và thực hiện. | ***\* Ví dụ 1:*** *HĐ cả lớp*  - GV nêu ví dụ: Hãy thực hiện phép tính 27,867 10.  - GV nhận xét phần đặt tính và tính của HS.  - GV nêu : Vậy ta có :  27,867 10 = 278,67  - GV hướng dẫn HS nhận xét để rút ra quy tắc nhân nhẩm một số thập phân với 10 :  + Nêu rõ các thừa số , tích của phép nhân 27,867 10 = 278,67.  + Suy nghĩ để tìm cách viết 27,867 thành 278,67.  + Vậy khi nhân một số thập phân với 10 ta có thể tìm được ngay kết quả bằng cách nào ?  **\* *Ví dụ 2:*** *HĐ cả lớp*  - GV nêu ví dụ: Hãy đặt tính và thực hiện tính 53,286 100.  - GV nhận xét phần đặt tính và kết quả tính của HS.  - Vậy 53,286 100 bằng bao nhiêu ?  - GV hướng dẫn HS nhận xét để tìm quy tắc nhân nhẩm một số thập phân với 100.  + Hãy tìm cách để viết 53,286 thành 5328,6.  + Dựa vào nhận xét trên em hãy cho biết làm thế nào để có được ngay tích 53,286 100 mà không cần thực hiện phép tính ?  + Vậy khi nhân một số thập phân với 100 ta có thể tìm được ngay kết quả bằng cách nào ?  ***\* Quy tắc nhân nhẩm một số thập* *phân* *với 10, 100, 1000*,....(**HĐ cặp đôi)  - Muốn nhân một số thập phân với 10 ta làm như thế nào ?  - Số 10 có mấy chữ số 0 ?  - Muốn nhân một số thập phân với 100 ta làm như thế nào ?  - Số 100 có mấy chữ số 0 ?  - Dựa vào cách nhân một số thập phân với 10; 100, hãy nêu cách nhân một số thập phân với 1000.  - Hãy nêu quy tắc nhân một số thập phân với 10; 100;1000...  - GV yêu cầu HS học thuộc quy tắc ngay tại lớp. |
| **3. Hoạt động thực hành: (13 phút)** | |
| - HS đọc: Nhân nhẩm cho nhau nghe  1,4 x 10 = 14 ; 9,63 x 10 = 96,3  2,1 x 100 = 210; 25,08 x 100 = 2508  7,2 x 1000 = 7200; 5,32 x1000 = 5320  - Viết các số đo sau dưới dạng số đo có đơn vị là cm.  - HS làm bài cá nhân, chia sẻ kết quả  a. 10,4dm = 104cm;  b. 12,6m = 1260cm  c. 0,856m = 85,6cm;  d. 5,75dm = 57,5cm  - HS đọc bài và làm bài  - HS nghe  - HS giải  *Bài giải*  *10l dầu hỏa cân nặng là:*  *0,8 x 10 = 8(kg)*  *Can dầu hỏa đó cân nặng là:*  *8 + 1,3 = 9,3 (kg)*  *Đáp số: 9,3kg* | **Bài 1: HĐ cặp đôi**  - Gọi HS đọc yêu cầu  - GV yêu cầu HS tự làm bài theo cặp  - GV nhận xét  **Bài 2: HĐ cá nhân**  - GV gọi HS đọc đề bài toán.  - GV yêu cầu HS làm cá nhân  - GV nhận xét HS.  **Bài 3(M3,4): HĐ cá nhân**  - Cho HS đọc đề bài, làm bài cá nhân  - GV có thể hướng dẫn HS giải bằng các câu hỏi:  + Bài toán cho biết những gì và hỏi gì?  + Cân nặng của can dầu hoả là tổng cân nặng của những phần nào?  + 10 lít dầu hoả cân nặng bao nhiêu ki-lô-gam |
| **4. Hoạt động ứng dụng:(2 phút)** | |
| - Học sinh nêu miệng. | - Cho HS nhắc lại những phần chính trong tiết dạy  - Nhận xét, dặn dò |

**IV. Điều chỉnh sau tiết dạy** (nếu có)

...........................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

***Khoa học***

**SẮT, GANG, THÉP**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức:**

- Nhận biết được một số tính chất của sắt, gang, thép.

- Nêu được một số ứng dụng trong sản xuất và đời sống của sắt, gang, thép

- Quan sát nhận biết một số đồ dùng làm từ gang thép.

**2. Năng lực:** Nhận thức thế giới tự nhiên, tìm tòi, khám phá thế giới tự nhiên,vận dụng kiến thức vào thực tiễn và ứng xử phù hợp với tự nhiên, con người.

**3. Phẩm chất:** Học sinh ham thích tìm hiểu khoa học, yêu thích môn học, biết được sắt, gang, thép là những nguyên liệu quý và có hạn nên khai thác phải hợp lí và biết kết hợp bảo vệ môi trường.

**II. CHUẨN BỊ:**

**Đồ dùng**

- Giáo viên: Sách giáo khoa, Ảnh minh hoạ; kéo, dây thép, miếng gang.

- Học sinh: Sách giáo khoa, vở

**III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động học tập của HS** | **Hoạt động tổ chức, hướng dẫn**  **của GV** |
| **1. Hoạt động khởi động: (5 phút)** | |
| - Lớp trưởng điều khiển  + Hãy nêu đặc điểm, ứng dụng của tre?  + Hãy nêu đặc điểm ứng dụng của mây, song?  - Học sinh trả lời  - Lắng nghe.  - HS ghi vở | - Cho HS tổ chức trả lời câu hỏi:  - Giáo viên nhận xét  - Giáo viên ghi đầu bài lên bảng. |
| **2. Hoạt động hình thành kiến thức mới: (27 phút)** | |
| - Kéo, dây thép, miếng gang  - HS hoạt động nhóm  - Các nhóm trình bày   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | |  | *Sắt* | *Gang* | *Thép* | | Nguồn gốc | Có trong thiên thạch và trong quạng sắt | Hợp kim của sắt và các bon | Hợp kim của sắt và các bon thêm một số chất khác | | Tính chất | - Dẻo, dễ uốn, kéo thành sợi, dễ rèn, dập  - Có màu trắng xám, có ánh kim | - Cứng, giòn, không thể uốn hay kéo thành sợi | - Cứng, bền, dẻo  - Có loại bị gỉ trong không khí ẩm, có loại không |   - Được làm từ quặng sắt đều là hợp kim của sắt và các bon.  - Gang rất cứng và không thể uốn hay kéo thành sợi. thép có ít các bon hơn gang và có thể thêm một vài chất khác nên bền và dẻo.  - Lớp lắng nghe  - HS ngồi cùng bàn trao đổi, thảo luận  H1: Đường ray xe lửa làm từ thép hoặc hợp kim của sắt.  H2: Ngôi nhà có lan can làm bằng thép  H3: Cầu sử dụng thép để xây dựng  H4: Nồi cơm được làm bằng gang  H5: Dao, kéo, cuộn dây thép bằng thép  H6: Cờ lê, mỏ lết bằng thép  - Cày, cuốc, dây phơi, hàng rào, song cửa sổ, đầu máy xe lửa, xe ô tô, xe đạp  + Dao làm làm từ hợp kim của sắt dùng xong phải rửa sạch để nơi khô ráo sẽ không bị gỉ.  + Kéo làm từ hợp kim của sắt dễ bị gỉ, dùng xong phải rửa và để nơi khô ráo  + Cày, cuốc, bừa làm từ hợp kim sử dụng xong phải rửa sạch để nơi khô ráo  + Hàng rào sắt, cánh cổng làm bằng thép phải có sơn chống gỉ.  + Nồi gang, chảo gang làm từ gang nên phải treo để nơi an toàn. nếu rơi sẽ bị vỡ. | ***Hoạt động 1:*** *Nguồn gốc và tính**chấ****t*** *của sắt, gang, thép*  - GV phát phiếu và các vật mẫu  - Yêu cầu HS nêu tên các vật vừa nhận  - Trình bày kết quả  - GV nhận xét kết quả thảo luận  - Yêu cầu câu trả lời  + Gang, thép được làm từ đâu?  + Gang, thép có điểm nào chung?  + Gang, thép khác nhau ở điểm nào?  - GV kết luận  ***\* Hoạt động 2:*** *Ứng dụng của gang****,*** *thép trong đời sống*  - Tổ chức hoạt động theo cặp  + Tên sản phẩm là gì?  + Chúng được làm từ vật liệu nào?  - Ngoài ra em còn biết gang, sắt thép sản xuất những dụng cụ, đồ dùng nào?  ***\* Hoạt động 3:*** *Một số đồ dùng làm từ sắt và hợp kin của sắt*  + Nhà em có những đồ dùng nào làm từ sắt hay gang, thép. Nêu cách bảo quản |
|  |
| **3. Hoạt động vận dụng:(3 phút)** |  |
| - HS nghe và thực hiện  - Lắng nghe | - Trưng bày tranh ảnh, về các vật dụng làm bằng sắt, gang, thép và nêu hiểu biết của bạn về các vật liệu làm ra các vật dụng đó.  - Nhận xét tiết học, dặn dò |

**IV. Điều chỉnh sau tiết dạy** (nếu có)

...........................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**Thứ ba ngày ...... tháng ....... năm 2021**

***Luyện từ và câu***

**MỞ RỘNG VỐN TỪ: BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức:**

**-** Hiểu được nghĩa của 1 số từ ngữ về môi trường theo yêu cầu của BT1.

- Biết ghép tiếng *bảo*( gốc Hán) với những tiếng thích hợp để tạo thành từ phức (BT2).

- Biết tìm từ đồng nghĩa với từ đã cho theo yêu cầu của BT3.

- HS (M3,4) nêu được nghĩa của mỗi từ ghép được ở BT2.

**2. Năng lực**:

- Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

- Năng lực văn học, năng lực ngôn ngữ, năng lực thẩm mĩ.

**3. Phẩm chất:**GD lòng yêu quý, ý thức bảo vệ môi trường, có hành vi đúng đắn với môi trường xung quanh.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**Đồ dùng**

- Giáo viên:

+ Các thẻ có ghi sẵn : phá rừng, trồng cây, đánh cá bằng mìn, trồng rừng, xả rác bừa bãi, đốt nương, săn bắn

+ Tranh ảnh về bảo vệ môi trường

- Học sinh: Vở viết, SGK

**III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động học tập của HS** | **Hoạt động tổ chức, hướng dẫn**  **của GV** |
| **1. Hoạt động khởi động:(3 phút)** | |
| - LT điều khiển cả lớp hát  - Trò chơi: *Truyền điện*  - Nội dung: Đặt câu với mỗi quan hệ từ: *và, nhưng, của.*  - Học sinh tham gia chơi.  - LT tổng kết trò chơi, nhận xét  - Lắng nghe.  - Học sinh mở sách giáo khoa và vở viết. | - Theo dõi  - Nhận xét, tuyên dương  - Giới thiệu bài mới - Ghi đầu bài lên bảng: ***Mở rộng vôn từ: Bảo vệ môi trường*** |
| **2. Hoạt động thực hành: (30 phút)** | |
| - HS đọc yêu cầu bài tập  - HS hoạt động nhóm  + Khu dân cư: khu vực làm việc của nhà máy, xí nghiệp  - HS lên bảng làm, lớp làm vào vở HS  - Nhận xét  - HS đọc yêu cầu  - HS làm bài theo nhóm, chia sẻ trước lớp  Đáp án:  + *Đảm bảo*: làm cho chắc chắn thực hiện được, giữ gìn được  + *Bảo hiểm*: giữ gìn đề phòng tai nạn, trả khoản tiền thoả thuận khi có tai nạn xảy đến với người đóng bảo hiểm  + *Bảo quản*: Giữ gìn cho khỏi hư hỏng.  + *Bảo tàng*: cất giữ tài liệu , hiện vật có ý nghĩa lịch sử .  + *Bảo toàn*: giữ cho nguyên vẹn , không thể suy suyển, mất mát.  + *Bảo tồn*: để lại không để cho mất.  + *Bảo trợ*: đỡ đầu và giúp đỡ  + *Bảo vệ*: chống lại mọi sự xâm phạm để giữ cho nguyên vẹn  - HS nêu yêu cầu  - HS nghe  - Bảo vệ: *gìn giữ, giữ gìn*  *+ Chúng em giữ gìn môi trường sạch đẹp.*  *+ Chúng em gìn giữ môi trường sạch đẹp.* | **Bài 1: HĐ nhóm**  a) Gọi HS đọc yêu cầu và nội dung của bài tập  - Tổ chức cho HS làm việc theo nhóm  - Đại diện HS lên trả lời.  b) Yêu cầu HS tự làm bài  - Gọi HS nhận xét bài làm của bạn trên bảng  - Nhận xét kết luận lời giải đúng  **Bài 2: HĐ nhóm**  - Gọi HS đọc yêu cầu và nội dung của bài tập  - Tổ chức HS làm việc theo nhóm  + Ghép tiếng ***bảo*** với mỗi tiếng để tạo thành từ phức.  + HS(M3,4) nêu nghĩa của mỗi từ ghép  - GV nhận xét, chữa bài  **Bài 3: HĐ cá nhân**  - Gọi HS đọc yêu cầu  - Yêu cầu HS làm bài tập : tìm từ đồng nghĩa với từ ***bảo vệ*** sao cho nghĩa của câu không thay đổi.  - Gọi HS trả lời  - HS (M3,4) đặt câu  - GV nhận xét chữa bài  *(Theo dõi, giúp đỡ đối tượng M1 hoàn thành BT)* |
| **3. Hoạt động vận dụng: (2 phút)** | |
| - 1, 2 học sinh nhắc lại.  - HS đặt câu | - Hỏi lại những điều cần nhớ.  - Đặt câu với các từ: *môi trường, môi sinh, sinh thái.* - Nhận xét tiết học |

**IV. Điều chỉnh sau tiết dạy** (nếu có)

...........................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

***Kể chuyện***

**KỂ CHUYỆN ĐÃ NGHE ĐÃ ĐỌC**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức:**

- Kể lại được câu chuyện đã nghe, đã đọc có nội dung bảo vệ môi trường; lời kể rõ ràng, ngắn gọn.

- Biết trao đổi về ý nghĩa của câu chuyện đã kể; biết nghe và nhận xét về lời kể của bạn.

- Rèn kỹ năng nói. Biết kể tự nhiên, giọng kể phù hợp với nội dung. Có khả năng tập trung theo dõi bạn kể chuyện và biết nhận xét lời kể của bạn.

**2. Năng lực**:

- Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

- Năng lực văn học, năng lực ngôn ngữ, năng lực thẩm mĩ.

**3. Phẩm chất:** Giáo dục học sinh yêu thích kể chuyện, nâng cao ý thức BVMT.

**II. CHUẨN BỊ:**

- GV: Một số truyện có nội dung bảo vệ môi trường..

- HS: SGK, vở

**III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động học tập của HS** | **Hoạt động tổ chức, hướng dẫn**  **của GV** |
| **1. Hoạt động khởi động:  (5 phút)** | |
| - HS hát  - 2 học sinh lên bảng thi kể, dưới lớp cổ vũ  - Lắng nghe.  - Học sinh quan sát, viết vở. | - Cho 2 HS thi kể câu chuyện “Người đi săn và con nai”  - Giáo viên nhận xét chung.  - Giới thiệu bài  - Ghi đầu bài lên bảng. |
| **2.Hoạt động hình thành kiến thức mới: (7 phút)** | |
| - HS đọc đề bài  ***Đề bài*:** *Kể một câu chuyện em đã nghe hay đã đọc có nội dung bảo vệ môi trường.*  - Học sinh đọc gợi ý 1, 2,3.  - Học sinh đọc  - HS nghe  - Một số HS giới thiệu câu chuyện mình kể trước lớp..  - Học sinh làm dàn ý sơ lược ra nháp. | - Gọi HS đọc đề  - GV gạch chân những từ trọng tâm ca ngợi hòa bình, chống chiến tranh.  - Gọi HS đọc tiếp nối gợi ý SGK  - Gọi 1 HS đọc đoạn văn trong bài 1 tiết LTVC trang 115 để nhớ lại các yếu tố tạo thành môi trường  - GV nhấn mạnh các yếu tố tạo thành môi trường.  - GV kiểm tra sự chuẩn bị của HS  - Yêu cầu HS giới thiệu câu chuyện mình chọn? Đó là truyện gì? Em đọc truyện đó trong sách, báo nào? Hoặc em nghe truyện ấy ở đâu?  - Cho HS chuẩn bị ra nháp |
| **3. Hoạt động thực hành: (20 phút)** | |
| - HS kể theo cặp  - Thi kể chuyện trước lớp  - Bình chọn bạn kể chuyện tự nhiên nhất, bạn có câu hỏi hay nhất, bạn có câu chuyện hay nhất.  - Trao đổi và nói ý nghĩa câu chuyện mình kể.. | - Y/c HS luyện kể theo nhóm đôi  - Thi kể trước lớp  - Cho HS bình chọn người kể hay nhất  - Trao đổi về ý nghĩa câu chuyện  - Nhận xét. |
| **4. Hoạt động vận dụng: (3 phút)** | |
| - Lắng nghe | - Sưu tầm truyện, một việc tốt đã làm để bảo vệ môi trường.  - Nhận xét tiết học, về nhà kể lại câu chuyện cho người thân nghe. |

**IV. Điều chỉnh sau tiết dạy** (nếu có)

...........................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

***Toán***

**LUYỆN TẬP**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:** Biết :

- Nhân nhẩm một số thập phân với 10, 100, 1000 …

- Nhân một số thập phân với một số tròn chục, tròn trăm.

- Giải bài toán có 3 bước tính.

- HS cả lớp làm được bài 1a; bài 2(a,b) ; bài 3.

**2. Năng lực:**

- Năng tư chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo,

- Năng lực tư duy và lập luận toán học, năng lực mô hình hoá toán học, năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực giao tiếp toán học, năng lực sử dụng công cụ và phương tiện toán học

**3. Phẩm chất:** Chăm chỉ, trung thực, có trách nhiệm với toán học và cẩn thận khi làm bài, yêu thích môn học.

**II. CHUẨN BỊ:**

- GV: SGK, Bảng phụ

- HS : SGK, vở

**III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động học tập của HS** | **Hoạt động tổ chức, hướng dẫn**  **của GV** |
| **1. Hoạt động khởi động: (5 phút)** | |
| - HS tổ chức chơi trò chơi ***Ai nhanh ai đúng:***   |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | TS | 14,7 | 29,2 |  | 1,3 |  | 1,6 | | TS | 10 |  | 10 | 100 | 100 |  | | Tích |  | 2920 | 34 |  | 290 | 16 |   + Luật chơi, cách chơi: Trò chơi gồm 2 đội, mỗi đội 6 em. Lần lượt từng em trong mỗi đội sẽ nối tiếp nhau suy nghĩ thật nhanh và tìm đáp án để ghi kết quả với mỗi phép tính tương ứng. Mỗi một phép tính đúng được thưởng 1 bông hoa. Đội nào có nhiều hoa hơn sẽ là đội thắng cuộc.  + Học sinh tham gia chơi.  - Lắng nghe  - Ghi vở | - Quan sát  - Giáo viên tổng kết trò chơi, tuyên dương đội thắng cuộc.  - Giới thiệu bài mới và ghi đầu bài lên bảng: ***Luyện tập***  - GV nhận xét  - Giới thiệu bài - Ghi bảng |
| **2. Hoạt động thực hành: (25phút)** | |
| - HS đọc: Tính nhẩm  - HS làm bài vào vở  - 1 HS đọc bài làm trước lớp để chữa bài, HS cả lớp đổi chéo vở để kiểm tra bài của nhau.  - HS : Vì phép tính có dạng 1,48 nhân với 10 nên ta chỉ việc chuyển dấu phẩy của 1,48 sang bên phải một chữ số.  - 1 HS nhận xét cả về cách đặt tính và thực hiện phép tính của bạn.  - Đặt tính rồi tính  - HS cả lớp làm bài vào vở , chia sẻ trên bảng lớp  7,69 12,6  50 800  384,50 10080,0  - 1 HS nhận xét cả về cách đặt tính và thực hiện phép tính của bạn.  - Cả lớp đọc thầm  - 1 HS làm bảng, HS cả lớp làm vở .  *Bài giải*  Quãng đường người đó đi được trong 3 giờ đầu là:  10,8 3 = 32,4 9km)  Quãng đường người đó đi được trong 4 giờ tiếp theo là:  9,52 4 = 38,08 (km)  Quãng đường người đó đi được dài tất cả là:  32,4 + 38,08 = 70,48 (km)  Đáp số : 70,48km  - HS tự làm bài, báo cáo giáo viên  8,05 x 100 = 805  8,05 x 1000 = 8050  8,05 x 10000 = 80500  - HS làm bài vào vở, báo cáo giáo viên  12,82 82,14  x x  40 600  512,80 49284,00  - HS thử chọn kết quả là: x =0 ; 1 ; 2 | **Bài 1a: Cá nhân=> Cả lớp**  - Gọi HS đọc yêu cầu  - GV yêu cầu HS tự làm bài.  - GV yêu cầu HS đọc bài làm của mình trước lớp.  - GV hỏi HS : Em làm thế nào để được  1,48 10 = 14,8 ?  **Bài 2(a, b): Cá nhân**  - HS đọc yêu cầu  - GV yêu cầu HS tự đặt tính và thực hiện phép tính.  - GV gọi HS nhận xét bài làm của bạn.  - GV nhận xét HS.  **Bài 3: Cá nhân**  - GV gọi 1 HS đọc đề bài toán.  - Yêu cầu HS làm bài  - GV chữa bài HS.  **Lưu ý**: *Giúp đỡ HS nhóm M1 hoàn thành các bài tập.*    **Bài 1(b):M3,4**  - Hướng dẫn HS nhận xét: Từ 8,05 ta dịch chuyển dấu phẩy sang phải một chữ số thì được 80,5.  - Kết luận: Số 8,05 phải nhân với 10 được 80,5.  **Bài 2(c,d):M3,4**  - Cho HS tự làm bài vào vở  - GV quan sát, nhận xét  **Bài 4:M3,4**  - GV viên hướng dẫn HS lần lượt thử chọn các trường hợp bắt đầu từ x = 0, khi kết quả phép nhân lớn hơn 7 thì dừng lại. |
| **4. Hoạt động vận dụng: (3 phút)** | |
| - HS nêu, tính nhẩm | -Cho HS chốt lại những phần chính trong tiết dạy. Vận dụng tính nhẩm:  15,4 x 10 =  78,25 x 100 =  5,56 x 1000 =  - Nhận xét tiết học |

**IV. Điều chỉnh sau tiết dạy** (nếu có)

...........................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

***Lịch sử***

**VƯỢT QUA TÌNH THẾ HIỂM NGHÈO**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức:**

- Biết sau CM tháng Tám 1945, nước ta đứng trước những khó khăn to lớn: “giặc đói”, “giặc dốt”, “giặc ngoại xâm”..

- Biết các biện pháp nhân dân ta đã thực hiện để chống lại “giặc đói”, “giặc dốt”:

quyên góp gạo cho người nghèo, tăng gia sản xuất, phong trào xoá nạn mù chữ,...

**2. Năng lực:**

- Năng lực tư chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sán g tạo.

- Năng lực hiểu biết cơ bản về Lịch sử, năng lực tìm tòi và khám phá Lịch sử, năng lực vận dụng kiến thức Lịch sử vào thực tiễn

**3. Phẩm chất:**

- HS có thái độ học tập nghiêm túc, tích cực trong các hoạt động

- Giáo dục tình yêu thương quê hương đất nước. HS yêu thích môn học lịch sử

**II. CHUẨN BỊ:**

**Đồ dùng dạy học:**

- GV: Các hình minh họa trong SGK; HS: SGK, vở

**2. Phương pháp và kĩ thuật dạy học**

**III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động học tập của HS** | **Hoạt động tổ chức, hướng dẫn**  **của GV** |
| **1. Hoạt động khởi động: (5 phút)** | |
| - Lớp trưởng tổ chức chơi trò chơi "Hộp quà bí mật" với các câu hỏi:  - Hội nghị thành lập ĐCSVN diễn ra ở đâu? Do ai chủ trì? KQ của hội nghị ?  - Cuối bản Tuyên ngôn Độc lập, Bác Hồ thay mặt nhân dân Việt Nam khẳng định điều gì ?  - HS nghe  - HS ghi vở | - Quan sát, theo dõi  - GV nhận xét , tuyên dương  - Giới thiệu bài - Ghi bảng |
| **2. Hoạt động hình thành kiến thức mới:(25 phút)** | |
| - HS đọc, thảo luận nhóm TLCH  - Tình thế vô cùng bấp bênh, nguy hiểm, đất nước gặp muôn vàn khó khăn.  - Hơn 2 triệu người chết, nông nghiệp đình đốn, 90% người mù chữ v.v...  - Đại diện nhóm nêu ý kiến.  - Đồng bào ta chết đói, không đủ sức chống giặc ngoại xâm.  - Chúng cũng nguy hiểm như giặc ngoại xâm.  - HS quan sát  - Hình 2: Nhân dân đang quyên góp gạo.  - Hình 3: Chụp một lớp bình dân học vụ.  - Lớp dành cho người lớn tuổi học ngoài giờ lao động.  - Nhóm trưởng điều khiển nhóm TL  - Tinh thần đoàn kết trên dưới một lòng và cho thấy sức mạnh to lớn của nhân dân ta.  - Nhân dân một lòng tin tưởng vào Chính phủ, vào Bác Hồ để làm cách mạng  - Một số học sinh nêu ý kiến. | ***\* Hoạt động 1:*** *Hoàn cảnh Việt Nam sau cách mạng tháng Tám*  - Học sinh đọc từ "Từ cuối năm- sợi tóc" thảo luận nhóm trả lời câu hỏi:  + Vì sao nói: ngay sau Cách mạng tháng Tám, nước ta ở trong tình thế "Nghìn cân treo sợi tóc".  + Hoàn cảnh nước ta lúc đó có những khó khăn, nguy hiểm gì?  - Học sinh phát biểu ý kiến.  - Đàm thoại:  + Nếu không đẩy lùi được nạn đói và nạn dốt thì điều gì có thể xảy ra?  + Vì sao Bác Hồ gọi nạn đói và nạn dốt là giặc?  ***\* Hoạt động 2:*** *Đẩy lùi giặc đói, giặc dốt (HĐ cả lớp)*  - Yêu cầu: Quan sát hình minh họa 2, 3 trang 25, 26 SGK.  + Hình chụp cảnh gì?  + Em hiểu thế nào là "Bình dân học vụ"  - Yêu cầu học sinh bổ sung thêm các ý kiến khác.  ***\* Hoạt động 3:*** *Ý nghĩa của việc đẩy lùi "Giặc đói, giặc dốt, giặc ngoại xâm"*  - Học sinh thảo luận theo nhóm, TLCH  + Chỉ trong một thời gian ngắn, nhân dân ta đã làm được những công việc để đẩy lùi những khó khăn, việc đó cho thấy sức mạnh của nhân dân ta như thế nào?  + Khi lãnh đạo cách mạng vượt qua được cơn hiểm nghèo, uy tín của Chính phủ và Bác Hồ như thế nào?  ***\* Hoạt động 4:*** *Bác Hồ trong những ngày diệt "Giặc đói, giặc dốt, giặc ngoại xâm"*  - 1 em đọc câu chuyện về Bác Hồ trong đoạn "Bác HVT - cho ai được".  + Em có cảm nghĩ gì về việc làm của Bác Hồ qua câu chuyện trên? |
| **3. Hoạt động vận dụng:** (5 phút) | |
| - HS nêu | - Em cần làm gì để đền đáp công ơn của Bác Hồ?  - Nhận xét |

**IV. Điều chỉnh sau tiết dạy** (nếu có)

.........................................................................................................................................

**Thứ tư ngày ....... tháng ..... năm 2021**

***Tập đọc***

**HÀNH TRÌNH CỦA BẦY ONG**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức:**

- Hiểu những phẩm chất đáng quý của bầy ong: cần cù làm việc để góp ích cho đời.

- Trả lời được các câu hỏi trong SGK, thuộc hai khổ thơ cuối bài.

- Biết đọc diễn cảm bài thơ , ngắt nhịp đúng những câu thơ lục bát.

- HS(M3,4)thuộc và đọc diễn cảm được toàn bài.

**2. Năng lực:**

- Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

- Năng lực văn học, năng lực ngôn ngữ, năng lực thẩm mĩ.

**3. Phẩm chất:** Giáo dục HS tính cần cù ,nhẫn nại trong mọi công việc.

**II. CHUẨN BỊ: Đồ dùng**

- Giáo viên:Sách giáo khoa, tranh minh họa, bảng phụ ghi sẵn nội dung bài.

- Học sinh: Vở, Sách giáo khoa

**III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động học tập của HS** | **Hoạt động tổ chức, hướng dẫn**  **của GV** |
| **1. Hoạt động khởi động: (5 phút)** | |
| - Lớp trưởng điều khiển cả lớp hát  - HS tổ chức thi đọc và trả lời câu hỏi bài ***Mùa thảo quả***  - HS thi đọc và TLCH.  - HS lắng nghe  - HS ghi vở | - Quan sát  - Giáo viên nhận xét.  - Giới thiệu bài và tựa bài: ***Hành trình của bầy ong.*** |
| **2. Hoạt động hình thành kiến thức mới: (10 phút)** | |
| - 1HS đọc  - Nêu giọng đọc  - 1 hoặc 2 học sinh nối tiếp nhau đọc.  - Nhóm trưởng điều khiển nhóm đọc:  - 4HS nối tiếp nhau 4 khổ thơ.  + Lần 1: Đọc + LĐ từ khó, câu khó.  + Lần 2: Đọc + giải nghĩa từ chú giải.  - Học sinh luyện đọc theo cặp.  - 1 đến 2 học sinh đọc cả bài.  - HS nghe | - HS đọc toàn bài  - Mời nêu giọng đọc  - Cho HS đọc tiếp nối từng đoạn  - Giáo viên nhận xét và sửa lỗi về phát âm, giọng đọc, cách ngắt nhịp thơ cho học sinh.  - Giúp học sinh hiểu nghĩa các từ ngữ *(đẫm, rong ruổi, nối liền mùa hoa, men)*  - Luyện đọc theo cặp  - Gọi HS đọc toàn bài  - Giáo viên đọc diễn cảm toàn bài. |
| **3. Hoạt động Thực hành: (10 phút)** | |
| - Nhóm trưởng điều khiển nhóm đọc bài và trả lời câu hỏi:  + Thể hiện sự vô cùng của không gian: đôi cánh của bầy ong đẫm nắng trời, không gian là cả nẻo đ-ường xa.  + Thể hiện sự vô tận của thời gian: bầy ong bay đến trọn đời, thời gian về vô tận.  - Học sinh đọc thầm khổ thơ 2 và 3.  - Ong rong ruổi trăm miền: ong có mặt nơi thăm thẳm rừng sâu, nơi bờ biển sóng tràn, nơi quần đảo khơi xa. Ong nối liền các mùa hoa, nối rừng hoang với biển xa. Ong chăm chỉ giỏi giang: giá hoa có ở trên trời cao thì bầy ong cũng dám bay lên để mang vào mật thơm.  - Nơi rừng sâu: bập bùng hoa chuối, trắng màu hoa ban.  - Nơi biển xa: Có hàng cây chắn bão …  - Nơi quần đảo: có loài hoa nở như là không tên.  - Học sinh đọc khổ thơ 3.  - Đến nơi nào, bầy ong chăm chỉ, giỏi giang cũng tìm được hoa làm mật, đem lại h¬ương vị ngọt ngào cho đời.  - Học sinh đọc thầm khổ thơ 4.  - HS nêu  - HS nghe  - Học sinh đọc lại.  - HS nghe | - Giao nhiệm vụ cho HS đọc bài và trả lời câu hỏi trong SGK:  1. Những chi tiết nào trong khổ thơ đầu nói lên hành trình vô tận của bầy ong?  2. Bầy ong đến tìm mật ở những nơi nào?  3. Nơi ong đến có vẻ đẹp gì đặc biệt?  4. Em hiểu nghĩa câu thơ “Đất nơi đâu cũng tìm ra ngọt ngào” thế nào?  5. Qua 2 dòng thơ cuối bài, nhà thơ muốn nói điều gì về công việc của bầy ong?  - Giáo viên tóm tắt nội dung chính: Những phẩm chất đáng quý của bầy ong: cần cù làm việc để góp ích cho đời.  - Cho HS đọc lại  - GV đọc |
| **Luyện đọc hay (8phút)** | |
| - 4 học sinh nối tiếp nhau luyện đọc diễn cảm 4 khổ thơ.  - Học sinh luyện đọc và thi đọc diễn cảm 1 đến 2 khổ thơ tiêu biểu trong bài.  - Học sinh nhẩm đọc thuộc 2 khổ thơ cuối và thi đọc thuộc lòng. | - Hướng dẫn học sinh đọc diễn cảm và học thuộc lòng 2 khổ thơ cuối bài.  - Hư­ớng dẫn các em đọc đúng giọng bài thơ.  - Mời đọc |
| **4. Hoạt động vận dụng: (2 phút)** | |
| - HS nêu | - Em học tập được phẩm chất gì từ các phẩm chất trên của bầy ong ?  - Nhận xét tiết học |

**IV. Điều chỉnh sau tiết dạy** (nếu có)

.........................................................................................................................................

***Tập làm văn***

**CẤU TẠO CỦA BÀI VĂN TẢ NGƯỜI**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**

**-** Nắm đư­ợc cấu tạo 3 phần( mở bài, thân bài, kết bài) của bài văn tả ngư­ời (ND Ghi nhớ).  
**-** Lập được dàn ý chi tiết cho bài văn tả một ngư­ời thân trong gia đình.

**2. Năng lực**:

- Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

- Năng lực văn học, năng lực ngôn ngữ, năng lực thẩm mĩ.

**3. Phẩm chất:** Yêu quý ngư­ời thân, quan tâm đến mọi ngư­ời.

**II. CHUẨN BỊ: Đồ dùng**

- Giáo viên: + Bảng nhóm

+ Bảng phụ viết sẵn đáp án của bài tập phần nhận xét

- Học sinh: Sách giáo khoa, vở viết

**III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động học tập của HS** | **Hoạt động tổ chức, hướng dẫn**  **của GV** |
| **1. Hoạt động khởi động: (5 phút)** | |
| - HS hát  - HS nộp bài  - HS nghe  - HS viết đầu bài vào vở | - Thu chấm đơn kiến nghị của 5 HS  - Nhận xét bài làm của HS  - Giới thiệu bài - Ghi bảng |
| **2. Hoạt động hình thành kiến thức: (15 phút)** | |
| - HS quan sát tranh  - Em thấy anh thanh niên là người rất chăm chỉ và khoẻ mạnh  - HS đọc bài, tự trả lời câu hỏi  - Cấu tạo chung của bài văn tả người gồm:  1. Mở bài: giới thiệu người định tả  - Từ " nhìn thân hình.... đẹp quá"  - Nội dung: Giới thiệu về hạng A cháng.  - Giới thiệu bằng cách đưa ra câu hỏi khen về thân hình khoẻ đẹp của hạng A Cháng.  2. Thân bài: tả hình dáng.  Hình dáng của Hạng A cháng: ngực nở vòng cung, da đỏ như lim, bắp tay bắp chân rắn như chắc gụ. vóc cao, vai rộng, người đứng thẳng như cột đá trời trồng, khi đeo cày trông hùng dũng như một chàng hiệp sĩ cổ đeo cung ra trận.  - Tả hoạt động, tính nết.  lao động chăm chỉ, cần cù, say mê , giỏi; tập trung cao độ đén mức chăm chắm vào công việc  3. Kết bài: Nêu cảm nghĩ về người được tả  Câu hỏi cuối bài : ca ngợi sức lực tràn trề của A Cháng là niềm tự hào của dòng họ.  - Bài văn tả người gồm 3 phần:  + Mở bài: giới thiệu người định tả  + Thân bài: tả hình dáng, hoạt động của người đó  + Kết bài: nêu cảm nghĩ về người định tả  - 3 HS đọc ghi nhớ | - Yêu cầu HS quan sát tranh minh hoạ bài Hạng A Cháng  - Qua bức tranh em cảm nhận được điều gì về anh thanh niên?  - GV: Anh thanh niên này có gì nổi bật? Các em cùng đọc bài Hạng A Cháng và trả lời câu hỏi cuối bài  - Cấu tạo bài văn Hạng A cháng:  - Qua bài văn em có nhận xét gì về cấu tạo của bài văn tả người?  - Yêu cầu HS đọc ghi nhớ |
| **3. Hoạt động thực hành: (15p)** | |
| - HS đọc yêu cầu bài tập  - Ông em, bố em, mẹ em, chị, anh, ...  - Phần mở bài giới thiệu người định tả  - Tả hình dáng, tuổi tác, tầm vóc, nước da, dáng đi...  Tả tính tình:  Tả hoạt động:  - Nêu tình cảm , cảm nghĩ của mình với người đó.  - 2 HS làm vào bảng nhóm  - HS nghe | - Gọi HS đọc yêu cầu của bài tập  - GV hướng dẫn:  + Em định tả ai?  + Phần mở bài em nêu những gì?  + Em cần tả được những gì về người đó trong phần thân bài?  + Phần kết bài em nêu những gì?  - Yêu cầu HS làm bài  - Gọi 2 HS làm vào bảng nhóm gắn bài lên bảng  - GV cùng HS nhận xét dàn bài |
| **4. Hoạt động vận dụng:(5 phút)** | |
| - HS lắng nghe | - Cho HS đọc lại phần ghi nhớ.  - Dặn HS về nhà hoàn chỉnh dàn ý của bài văn vào vở và chuẩn bị tiết sau. |

**IV. Điều chỉnh sau tiết dạy** (nếu có)

...........................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

***Toán***

**LUYỆN TẬP**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**

**-** Biết nhân nhẩm một số thập phân với 0,1 ; 0,01 ; 0,001 …

- HS làm bài tập 1.

**2. Năng lực:**

- Năng tư chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo,

- Năng lực tư duy và lập luận toán học, năng lực mô hình hoá toán học, năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực giao tiếp toán học, năng lực sử dụng công cụ và phương tiện toán học

**3. Phẩm chất:** Chăm chỉ, trung thực, có trách nhiệm với toán học và cẩn thận khi làm bài, yêu thích môn học.

**II. CHUẨN BỊ: Đồ dùng**

- Giáo viên: Sách giáo khoa, bảng

- Học sinh: Sách giáo khoa, vở

**III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động học tập của HS** | **Hoạt động tổ chức, hướng dẫn**  **của GV** |
| **1. Hoạt động khởi động: (3 phút)** | |
| - HS hát  - HS thi hỏi đáp  - HS nghe  - HS ghi vở | - Quan sát  - GV nhận xét  - Giới thiệu bài - Ghi bảng |
| **2. Hoạt động thực hành: (29 phút)** | |
| - 1 HS lên bảng đặt tính và thực hiện phép tính, HS cả lớp làm bài vào vở  142,57  0,1  14,257  - 1 HS nhận xét,nếu bạn làm sai thì sửa lại cho đúng.  - HS nhận xét theo hướng dẫn của GV.  + HS nêu : 142,57 và 0,1 là hai thừa số, 14,257 là tích.  + Khi ta chuyển dấu phẩy của 142,57 sang bên trái một chữ số thì được số 14,257.  + Khi nhân 142,57 với 0,1 ta có thể tìm ngay được tích là 14,257 bằng cách chuyển dấu phẩy của 142,57 sang bên trái một chữ số.  - HS đặt tính và thực hiện tính.  531,75 0,01  531,75  0,01    5,3175  - 1 HS nhận xét bài của bạn.  - HS nhận xét theo hướng dẫn của GV.  + Thừa số thứ nhất là 531,75 ; thừa số thứ hai là 0,01 ; tích là 5,3175.  + Khi chuyển dấu phẩy của 531,75 sang bên trái hai chữ số thì ta được 5,3175.  + Khi nhân 531,75 với 0,01 ta có thể tìm ngay tích là 5,3175 bằng cách chuyển dấu phẩy của 531,75 sang bên trái hai chữ số.  + Khi nhân một số thập phân với 0,1 ta chỉ việc chuyển dấu phẩy của số đó sang bên trái 1 chữ số.  + Khi nhân một số thập phân với 0,01 ta chỉ việc chuyển dấu phẩy của số đó sang bên trái 2 chữ số.  - 1 HS đọc trước lớp, HS cả lớp đọc thầm.  - HS làm bài,soát lỗi, chia sẻ trước lớp.  - HS nêu: 1 ha = 0,01 km2  - HS làm bài, báo cáo giáo viên  125ha = 1,25km2  12,5ha = 0,125km2  3,2ha = 0,032km2  - HS đọc đề bài  - 1cm trên bản đồ thì ứng với  1000 000cm = 10km trên thực tế.  - Từ đó ta có 19,8cm trên bản đồ ứng với 19,8 x 10 = 198(km) trên thực tế | **Bài 1: Cá nhân => Cả lớp**  a) Ví dụ  - GV nêu ví dụ : Đặt tính và thực hiện phép tính 142,57 0,1.  - GV gọi HS nhận xét kết quả tính của bạn.  - GV hướng dẫn HS nhận xét để rút ra kết quy tắc nhân nhẩm một số thập phân với 0,1.  + Em hãy nêu rõ các thừa số, tích của 142,57 0,1 = 14,257  + Hãy tìm cách viết 142,57 thành 14,257.  + Như vậy khi nhân 142,57 với 0,1 ta có thể tìm ngay được tích bằng cách nào?  - GV yêu cầu HS làm tiếp ví dụ.  - GV gọi HS nhận xét bài làm của bạn trên bảng.  - GV hướng dẫn HS nhận xét để rút ra quy tắc nhân một số thập phân với 0,01.  + Em hãy nêu rõ các thừa số, tích của phép nhân 531,75 0,01 = 5,3175.  + Hãy tìm cách để viết 531,75 thành 5,3175  + Như vậy khi nhân 531,75 với 0,01 ta có thể tìm ngay được tích bằng cách nào ?  + Khi nhân một số thập phân với 0, 1 ta làm như thế nào ?  + Khi nhân một số thập phân với 0,01ta làm như thế nào ?  - GV yêu cầu HS mở SGK và đọc phần kết luận in đậm trong SGK.  b) GV yêu cầu HS tự làm bài, đổi chéo bài để sủa lỗi cho nhau sau đó chia sẻ trước lớp.  - GV chữa bài cho HS.  *(Lưu ý: HS M1,2 làm xong bài 1)*  **Bài 2: HĐ cá nhân**  - Nhắc lại quan hệ giữa ha và km2 (1 ha = 0, 01 km2)  - Vận dụng để có: 1000ha = (1000 x 0, 01) km2 = 10 km2  - Hoặc dựa vào bảng đơn vị đo diện tích, rời dịch chuyển dấu phẩy.  **Bài 3: HĐ cá nhân**  - Cho HS đọc đề bài  - Cho HS nhắc lại ý nghĩa của tỉ số 1: 1000 000 biểu thị trên bản đồ. |
| **3. Hoạt động vận dụng: (3 phút)** | |
| - HS nghe và thực hiện | - Cho HS tính nhẩm:  22,3 x 0,1 = ...  8,02 x 0,01=...  504,4 x 0,001 =...  - Nhận xét |

**IV. Điều chỉnh sau tiết dạy** (nếu có)

...........................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

***Đạo đức***

**KÍNH GIÀ, YÊU TRẺ ( T1)**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**

**-**  HS biết vì sao cần phải kính trọng, lễ phép với người già, yêu thương, nhường nhịn em nhỏ.

**-** Nêu được những hành vi, việc làm phù hợp với lứa tuổi thể hiện sự kính trọng người già, yêu thương em nhỏ.

**2. Năng lực*:*** Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực thẩm mĩ, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác.

**3. Phẩm chất:**

- Có thái độ và hành vi thể hiện sự kính trọng, lễ phép với người già, nhường nhịn em nhỏ.

- Biết nhắc nhở bạn bè kính trọng người già, yêu thương, nhường nhịn em nhỏ.

**II. CHUẨN BỊ** :

**Đồ dùng dạy học:**

- Giáo viên: Phiếu học tập.

- Học sinh: Vở bài tập Đạo đức

**III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động học tập của HS** | **Hoạt động tổ chức, hướng dẫn**  **của GV** |
| **1. Hoạt động khởi động: (3 phút)** |  |
| - Lớp trưởng điều khiển cho cả lớp hát  - HS nêu  - HS nghe  - Viết vở | + Vì sao chúng ta phải coi trọng tình bạn?  - Giới thiệu bài***:*** GV nêu mục đích yêu cầu của tiết học  - Ghi bảng |
| **2. Hoạt động hình thành kiến thức: (14 phút)** | |
| - HS đọc  - Nhóm trưởng điều khiển nhóm thảo luận theo nhóm và trả lời các câu hỏi.  + Các bạn trong chuyện đã đứng tránh sang một bên để nhường đường cho cụ già và em bé. Bạn Sâm dắt em nhỏ giúp bà cụ. Bạn Hương nhắc bà cụ đi lên lề cỏ cho khỏi trơn.  + Bà cụ cảm ơn các bạn vì các bạn đã biết giúp đỡ người già và em nhỏ.  + Các bạn đã làm một việc làm tốt. các bạn đã thực hiện truyền thống tốt đẹp của dân tộc ta đó là kính già, yêu trẻ, các bạn đã quan tâm, giúp đỡ người già và trẻ nhỏ.  - 2- 3 HS đọc. | ***\**HĐ 1:** Tìm hiểu truyện ***Sau đêm mưa.***  - Mời đọc truyện: ***Sau đêm mưa***.  - Y/c HS thảo luận theo nhóm theo các câu hỏi sau:  + Các bạn trong truyện đã làm gì khi gặp cụ già và em nhỏ?  + Vì sao bà cụ cảm ơn các bạn?  + Bạn có suy nghĩ gì về việc làm của các bạn?  - GV kết luận:  + Cần tôn trọng người già, em nhỏ và giúp đỡ họ bằng những việc làm phù hợp với khả năng.  + Tôn trọng người già, giúp đỡ em nhỏ là biểu hiện của tình cảm tốt đẹp giữa con người với con người, là biểu hiện của người văn minh, lịch sự.  - Gọi HS đọc ghi nhớ trong SGK. |
| **3. Hoạt động thực hành: (14 phút)** | |
| - HS làm việc cá nhân.  - HS tiếp nối trình bày ý kiến của mình.  + Các hành vi a, b, c là những hành vi thể hiện tình cảm kính già, yêu trẻ.  + Hành vi d chưa thể hiện sự quan tâm, yêu thương, chăm sóc em nhỏ.  - HS khác nhận xét, bổ sung.  - Lắng nghe | **\* HĐ 2:** Làm bài tập 1 - SGK  - GV giao việc cho HS.  - Gọi một số HS trình bày ý kiến.  - GV kết luận |
| **4. Hoạt động vận dụng: (4 phút)** | |
| - HS nêu  - Lắng nghe | - Em đã làm được những gì thể hiện thái độ kính già, yêu trẻ ?  - Tìm hiểu các phong tục, tập quán thể hiện tình cảm kính già, yêu trẻ của địa phương, của dân tộc ta.  - Nhận xét |

**IV. Điều chỉnh sau tiết dạy** (nếu có)

..........................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

***Kĩ thuật***

**CẮT, KHÂU, THÊU SẢN PHẨM TỰ CHỌN**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**

- Biết chọn một sản phẩm khâu thêu mình ưa thích.

*-* Vận dụng kiến thức đã học để làm được sản phẩm mình yêu thích.

**2. Năng lực:** Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực thẩm mĩ, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác.

**3. Phẩm chất:** Yêu lao động. Yêu thích sản phẩm mình làm ra.

**II. CHUẨN BỊ:**

**II. CHUẨN BỊ: Đồ dùng**

- Giáo viên:

+ Một số sản phẩm khâu thêu đã học

+ Tranh ảnh của các bài đã học.

- HS: SGK, vở, bộ đồ dùng khâu thêu

**III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động học tập của HS** | **Hoạt động tổ chức, hướng dẫn**  **của GV** |
| **1. Hoạt động khỏi động: (3 phút)** |  |
| - HS hát  - Học sinh báo cáo  - HS nghe, ghi vở | - Kiểm tra đồ dùng học tập phục vụ tiết học.  - Giới thiệu bài mới - ghi đầu bài lên bảng |
| **2. Hoạt động thực hành: (27 phút)** | |
| - HS trả lời câu hỏi.  - Vạch dấu các điểm đính khuy trên vải .  - Đính khuy vào các điểm vạch dấu.  - Đo, cắt vải và khâu thành sản phẩm .Có thể đính khuy hoặc thêu trang trí.  - HS nêu  - HS chọn sản phẩm của nhóm | **Hoạt động1:***Ôn những nội dung đã học trong chương 1***(HĐ cả lớp)**  - GV đặt câu hỏi:  - Nêu cách đính khuy 2 lỗ, 4 lỗ trên vải?  - Nêu sự khác nhau về khoản cách lên kim và xuống kim trên 2 đường vạch dấu khi thêu dấu nhân ?  - Em hãy vận dụng các kiến thức đã học để làm 1 sản phẩm mà em ưa thích.  - GV nhận xét  - Tóm tắt những nội dung học sinh vừa nêu.  **Hoạt động 2:***Học sinh thảo luận nhóm để chọn sản phẩm thực hành* **(HĐ nhóm)**  - GV nêu yêu cầu  - Mỗi học sinh hoàn thành một sản phẩm  - GV chia nhóm .  - GV ghi bảng tên các sản phẩm của nhóm.  - GV chọn và kết luận hoạt động 2. |
| **3. Hoạt động vận dụng: (5 phút)** | |
| - Học sinh trưng bày sản phẩm trên lớp.  - Học sinh thực hiện.  - Lắng nghe.  - Lắng nghe, ghi nhớ. | - Trưng bày và đánh giá sản phẩm.  - Cho học sinh đánh giá sản phẩm.  - Giáo viên kết luận chung. Tuyên dương nhóm và cá nhân làm tốt, có sáng tạo.  - Nhận xét |

**IV. Điều chỉnh sau tiết dạy** (nếu có)

...........................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**Thứ năm ngày ... tháng .... năm 2021**

***Luyện từ và câu***

**LUYỆN TẬP VỀ QUAN HỆ TỪ**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**

- Tìm được quan hệ từ và biết chúng biểu thị quan hệ gì trong câu (BT1,BT2).

- Tìm được quan hệ từ thích hợp theo yêu cầu của BT3; biết cách đặt câu với quan hệ từ đã cho (BT4).

- HS (M3,4) đặt được 3 câu với 3 quan hệ từ nêu ở BT4.

**2. Năng lực**:

- Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

- Năng lực văn học, năng lực ngôn ngữ, năng lực thẩm mĩ.

**3. Phẩm chất:** Ý thức bảo vệ môi trường**.**

**II. CHUẨN BỊ:**

**Đồ dùng dạy học:**

- Giáo viên: Sách giáo khoa, bài tập 1, 3 viết sẵn trên bảng phụ

- Học sinh: Vở viết, sgk

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động GV** | **Hoạt động HS** |
| **1. Hoạt động mở đầu:(3 phút)** | |
| - Cả lớp hát.  - HS chia thành 2 đội chơi thi đặt câu có sử dụng quan hệ từ. Đội nào đặt được nhiều câu và đúng hơn thì đội đó thắng.  - HS chơi  - HS ghi bảng | - HS chia thành 2 đội chơi thi đặt câu có sử dụng quan hệ từ. Đội nào đặt được nhiều câu và đúng hơn thì đội đó thắng.  - GV nhận xét, tuyên dương  - Giới thiệu bài - Ghi bảng |
| **2. Hoạt động thực hành:(30 phút)** | |
| - HS đọc  - HS làm bài cá nhân, chia sẻ trước lớp  *A Cháng đeo cày. Cái cày của người H mông to nặng, bắp cày bằng gỗ tốt màu đen, vòng như hình cái cung, ôm lấy bộ ngực nở. Trông anh hùng dũng như một chàng hiệp sĩ cổ đeo cung ra trận.*  - HS đọc yêu cầu  - HS tự làm bài, kiểm tra chéo    - HS tiếp nối nhau chia sẻ  *a) Nhưng: biểu thị quan hệ tương phản*  *b) Mà: Biểu thị quan hệ tương phản*  *c) Nếu...... thì: biểu thị quan hệ điều kiện, giải thiết - kết quả*  - HS làm bài cá nhân, chia sẻ trước lớp  a) Trời bây giờ trong vắt, thăm thẳm **và** cao.  b) Một vầng trăng tròn, to và đỏ hồng hiện lên ở chân trời , sau rặng tre đen của một làng xa.  c) Trăng quầng *thì* hạn, trăng tán *thì* mưa  d) Tôi đã đi nhiều nơi , đóng quân ở nhiều chỗ đẹp hơn đây nhiều, nhân dân coi tôi như người làng **và** thương yêu tôi hết mực , *nhưng* sao sức quyến rũ, nhớ thương vẫn không mãnh liệt , day dứt bằng mảnh đất cộc cằn này.  - HS đọc yêu cầu  - Nhóm trưởng điều khiển nhóm thảo luận nhóm rồi trả lời  *+ Tôi dặn mãi mà nó không nhớ.*  *+ Việc nhà thì nhác, việc chú bác thì siêng.*  *+ Cái lược này làm bằng sừng...* | **Bài 1: HĐ cá nhân**  - HS đọc yêu cầu bài tập  - HS tự làm bài  - Gọi HS nhận xét bài của bạn  - GV nhận xét kết luận lời giải đúng  **Bài 2: HĐ cá nhân**  - Gọi HS đọc yêu cầu  - Yêu cầu HS tự làm bài tập, đổi vở kiểm tra chéo, chia sẻ trước lớp.  - Gọi HS chia sẻ  - Nhận xét lời giải đúng  **Bài 3: HĐ cá nhân**  - Yêu cầu HS tự làm bài  - Yêu cầu HS nhận xét  - GVKL:  **Bài 4: HĐ nhóm**  - Gọi HS đọc yêu cầu  - Tổ chức HS hoạt động theo nhóm  - Đại diện các nhóm trả lời  - GV nhận xét chữa bài |
| **3. Hoạt động vận dụng: (2 phút)** | |
| - Đặt câu với các quan hệ từ sau: *với, và, hoặc, mà.*  - Lắng nghe, thực hiện | - Nhận xét, tuyên dương  - Nhận xét tiết học |

**IV. Điều chỉnh sau tiết dạy** (nếu có)

...........................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

***Tập làm văn***

**LUYỆN TẬP TẢ NGƯỜI**

(Quan sát và chọn lọc chi tiết**)**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:** Nhận biết được những chi tiết tiêu biểu, đặc sắc về ngoại hình, hoạt động của nhân vật qua hai bài văn mẫu trong SGK .

**2. Năng lực:**

- Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

- Năng lực văn học, năng lực ngôn ngữ, năng lực thẩm mĩ.

**3. Phẩm chất:** Giáo dục học sinh ý thức tự giác trong học tập.

**II. CHUẨN BỊ**

**Đồ dùng**

- GV: Bảng phụ, bảng nhóm

- HS : SGK, vở viết

**III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động học tập của HS** | **Hoạt động tổ chức, hướng dẫn**  **của GV** |
| **1. Hoạt động mở đầu:(5 phút)** | |
| - HS nghe  - HS nêu  - HS ghi vở | - Nhận xét dàn ý chi tiết cho bài văn tả một người trong gia đình của 3 HS  - Hãy nêu cấu tạo của bài văn tả người  - Nhận xét HS học ở nhà .  - Giới thiệu bài - Ghi bảng |
| **2. Hoạt động thực hành:(28 phút)** | |
| - HS đọc  - HS hoạt động nhóm 4: Nhóm trưởng điều khiển  - Những chi tiết tả đặc điểm ngoại hình của người bà:  + Mái tóc: đen và dày kì lạ, phủ kín 2 vai, xoã xuống ngực, xuống đầu gối, mớ tóc dày khiến bà đưa chiếc lược thưa bằng gỗ một cách khó khăn.  + Giọng nói: trầm bổng, ngân nga như tiếng chuông, khắc sâu vào trí nhớ của đứa cháu, dịu dàng, rực rỡ đầy nhựa sống như những đoá hoa.  + Đôi mắt: hai con ngươi đen sẫm nở ra, long lanh, dịu hiền khó tả , ánh lên những tia sáng ấm áp, tươi vui.  + Khuôn mặt: đôi má ngăm ngăm đã có nhiều nếp nhăn nhưng khuôn mặt hình như vẫn tươi trẻ.  - Tác giả quan sát người bà rất kĩ, chọn lọc những chi tiết tiêu biểu về ngoại hình của bà để tả  - Tác giả quan sát kĩ từng hoạt động của anh thợ rèn: bắt thỏi thép, quai búa, đập...  - Cảm giác như đang chứng kiến anh thợ làm việc và thấy rất tò mò, thích thú.  **Bài làm**  - Mái tóc đen dày, cắt ngắn ngang vai…  - Đôi mắt đen, long lanh, dịu hiền ấm áp…  - Khuôn mặt trái xoan ửng hồng…  - Giọng nói nhẹ nhàng, tình cảm…  - Dáng người thon thả,… | **Bài 1: HĐ nhóm**  - Gọi HS đọc yêu cầu và nội dung của bài  - Cho HS hoạt động nhóm  - 1 Nhóm làm vào bảng nhóm, gắn bài lên bảng  - Gọi HS đọc bài đã hoàn chỉnh  - Em có nhận xét gì về cách miêu tả ngoại hình của tác giả?  **Bài 2: HĐ nhóm**  - Tổ chức HS làm như bài tập 1  - Em có nhận xét gì về cách miêu tả anh thợ rèn đang làm việc của tác giả?  - Em có cảm giác gì khi đọc đoạn văn?  - KL: Như vậy biết chọn lọc chi tiết tiêu biểu khi miêu tả sẽ làm cho người này khác biệt với mọi người xung quanh , làm cho bài văn sẽ hấp dẫn hơn, không tràn lan dài dòng. |
| **3. Hoạt động vận dụng:(2 phút)** | |
| - HS nghe và thực hiện | - Em học được điều gì từ cách quan sát của tác giả ?  - Nhận xét tiết học |

**IV. Điều chỉnh sau tiết dạy** (nếu có)

...........................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

***Toán***

**NHÂN MỘT SỐ THẬP PHÂN VỚI MỘT SỐ THẬP PHÂN**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức:** Biết:

- Nhân 1 số thập phân với 1 số thập phân.

- Phép nhân hai số thập phân có tính chất giao hoán

- Bài tập cần làm: Bài 1(a,c), bài 2.

**2. Năng lực:**

- Năng tư chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo,

- Năng lực tư duy và lập luận toán học, năng lực mô hình hoá toán học, năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực giao tiếp toán học, năng lực sử dụng công cụ và phương tiện toán học

**3. Phẩm chất:** Chăm chỉ, trung thực, có trách nhiệm với toán học và cẩn thận khi làm bài, yêu thích môn học.

**II. CHUẨN BỊ: Đồ dùng**

- Giáo viên: Sách giáo khoa.

- Học sinh: Sách giáo khoa, vở viết

**III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động học tập của HS** | **Hoạt động tổ chức, hướng dẫn**  **của GV** |
| **1. Hoạt động khởi động:(3 phút)** | |
| - Cả lớp hát  - HS chơi trò chơi***"Gọi thuyền"***  - Lắng nghe, ghi bài | - Quan sát, theo dõi  - GV nhận xét  - Giới thiệu bài - Ghi bảng |
| **2. Hoạt động hình thành kiến thức: (15 phút)** | |
| - Học sinh nêu tóm tắt bài toán ở ví dụ 1.  6,4 x 4,8 = ? m2  6,4 m = 64 dm; 4,8 m = 48 dm  64 x 48 = 3072 (dm2)  3072 dm2 = 30,72 m2  Vậy 6,4 x 4,8 = 30,72 (m2)  64 6,4  x x  48 4,8  512 512  256 256  3072 (dm2) 30,72(m2)    - Học sinh thực hiện phép nhân.  4,75  x  1,3  1425  475  6,175  - Học sinh đọc lại. | ***\** Hình thành quy tắc nhân.**  a) Tổ chức cho HS khai thác VD1.  - Giáo viên gợi ý đổi đơn vị đo để phép tính trở thành phép nhân 2 số tự nhiên rồi chuyển đổi đơn vị để tìm được kết quả cuối cùng.  - Giáo viên viết 2 phép tính lên bảng.  - Yêu cầu học sinh nhận xét cách nhân 1 số thập phân với 1 số thập phân.  b) Giáo viên nêu ví dụ 2 và yêu cầu học sinh vận dụng để thực hiện phép nhân. 4,75 x 1,3  c) Quy tắc: (sgk) |
| **3. HĐ thực hành: *(15 phút)*** | |
| - Đặt tính rồi tính  - Học sinh thực hiện các phép nhân vào bảng con, 2 HS làm bài bảng lớp, chia sẻ  - HS nghe  - Tính rồi so sánh giá trị của a x b và b x a  - Học sinh thảo luận cặp đôi tính các phép tính nêu trong bảng, chia sẻ trước lớp   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | a | b | a x b | b x a | | 2,36 | 4,2 | 2,36 x 4,2 = 9,912 | 4,2 x2,36  = 9,912 | | 3,05 | 2,7 | 3,05 x2,7  = 8,235 | 2,7 x 3,05 = 8,235 |   - Phép nhân các số thập phân có tính chất giao hoán:  - Khi đổi chỗ 2 thừa số của 1 tích thì tích không thay đổi.  b)   |  |  | | --- | --- | | 4,34 x 3,6 =15,624  3,6 x 4,34 = 15,624 | 9,04 x 16 = 144,6  16 x 9,04 = 144,64 |   - HS làm bài cá nhân, báo cáo giáo viên  *Bài giải*  *Chu vi vườn cây hình chữ nhật là:*  *(15,62 + 8,4) x 2 = 48,04 (m)*  *Diện tích vườn cây hình chữ nhật là:*  *15,62 x 8,4 = 131,208 (m2)*  *Đáp số: Chu vi: 48,04m*  *Diện tích: 131,208 m2* | **Bài 1(a,c): HĐ cá nhân**  - Gọi HS đọc yêu cầu  - Yêu cầu HS tự làm bài  - Giáo viên nhận xét chữa bài.  **Bài 2: HĐ cặp đôi**  - Gọi HS đọc yêu cầu  - Yêu cầu HS thảo luận cặp đôi, chia sẻ trước lớp.  - Giáo viên cùng học sinh nhận xét.  - Giáo viên gọi học sinh nêu nhận xét chung từ đó rút ra tính chất giao hoán của phép nhân 2 số thập phân.  b) Hướng dẫn học sinh vận dụng tính chất giao hoán để tính kết quả.  **Bài 3(M3,4): HĐ cá nhân**  - Cho HS giải bài toán vào vở  - Nhận xét, sửa bài. |
| **4. Hoạt động vận dụng: ( 2 phút)** | |
| - Lắng nghe | -Về nhà học thuộc lại quy tắc nhân 1 STP với 1 STP và vận dụng làm các bài tập có liên quan  - Nhận xét |

**IV. Điều chỉnh sau tiết dạy** (nếu có)

...........................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

***Khoa học***

**ĐỒNG VÀ HỢP KIM CỦA ĐỒNG**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**

- Nhận biết một số tính chất của đồng .

- Nêu được một số ứng dụng trong sản xuất và đời sống của đồng..

- Quan sát, nhận biết một số đồ dùng làm từ đồng và nêu cách bảo quản chúng.

**-**Biết cách bảo quản những đồ dùng bằng đồng có trong nhà.

**2. Năng lực:** Nhận thức thế giới tự nhiên, tìm tòi, khám phá thế giới tự nhiên,vận dụng kiến thức vào thực tiễn và ứng xử phù hợp với tự nhiên, con người.

**3. Phẩm chất:** Học sinh ham thích tìm hiểu khoa học, yêu thích môn học.

**II. CHUẨN BỊ: Đồ dùng**

- Giáo viên: Sách giáo khoa, Ảnh minh hoạ; vài sợi dây đồng ngắn.

- Học sinh: Sách giáo khoa.

**III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động học tập của HS** | **Hoạt động tổ chức, hướng dẫn**  **của GV** |
| **1. Hoạt động khởi động: (5 phút)** | | |
| - Cả lớp hát.  - HS tổ chức trò chơi "Bắn tên" trả lời câu hỏi:  + Nêu nguồn gốc và tính chất của sắt?  + Hợp kim của sắt là gì? Có tính chất nào?  + Nêu ứng dụng của gang thép trong đời sống  - Lắng nghe  - Ghi vở | - Quan sát, theo dõi  - GV nhận xét  - Giới thiệu bài mới, ghi bảng | |
| **2. Hoạt động hình thành kiến thức mới: (27** **phút)** | | |
| - Nhóm trưởng cho HS thảo luận, trao đổi nhóm  - Các nhóm phát biểu ý kiến  + Sợi dây màu đỏ  + Có ánh kim, không sáng  + Rất dẻo, uốn thành hình dạng khác nhau  - HS hoạt động nhóm làm phiếu  *Hợp kim đồng*   |  |  | | --- | --- | | *Đồng thiếc* | *Đồng kẽm* | | - Có màu nâu, có ánh kim, cứng hơn đồng | - Có màu vàng, có ánh kim, cứng hơn đồng |   - Có trong tự nhiên và có trong quặng đồng.  - Lắng nghe  - 2 HS ngồi cùng thảo luận cặp  + H1: Lõi dây điện làm bằng đồng. Dẫn điện và nhiệt tốt.  + H2: Đôi hạc, tượng, lư hương, bình cổ làm bằng hợp kim của đồng. Có ở đình, chùa, miếu, bảo tàng.  + H3: Kèn, hợp kim của đồng có ở viện bảo tàng, ban nhạc, giàn nhạc giao hưởng.  + H4: Chuông đồng - hợp kim đồng, có ở đình, chùa, miếu...  + H5: Cửu đình Huế - từ hợp kim đồng  + H6: Mâm đồng - hợp kim đồng có ở gia đình địa chủ, giàu có.  - Trống đồng, dây quấn động cơ, thau đồng, chậu đồng, vũ khí, nông cụ lao động...  - HS nối tiếp trả lời | ***\* Hoạt động 1:*** *Tính chất của đồng*  - Tổ chức cho HS hoạt động nhóm  - Yêu cầu HS quan sát sợi dây đồng và cho biết.  + Màu sắc của sợi dây đồng?  + Độ sáng của sợi dây?  + Tính cứng vào dẻo của sợi dây?  ***\* Hoạt động 2:*** *Nguồn gốc, so sánh tính chất của đồng và hợp kim đồng*  - Chia nhóm yêu cầu HS hoạt động nhóm  - Theo em đồng có ở đâu?  - GV kết luận: *Đồng*  Tính chất: Có màu nâu đỏ, có ánh kim. Rất bền, dễ dát mỏng và kéo thành sợi, có thể dập và uốn hình dạng khác nhau, dẫn nhiệt, dẫn điện tốt.  ***\* Hoạt động 3:*** *Một số đồ dùng làm bằng đồng và hợp kim của đồng, cách bảo quản các đồ dùng đó.*  - Tổ chức cho HS thảo luận  + Tên đồ dùng đó là gì?  + Đồ dùng đó được làm bằng vật liệu gì? Chúng thường có ở đâu?  + Em có biết những sản phẩm nào khác làm từ đồng? Hợp kim đồng?  - GV nhận xét | |
| **3.Hoạt động vận dụng: (3 phút)** | | |
| - HS nêu | - Ở gia đình em có đồ dùng nào làm bằng đồng? Thường thấy bảo quản các đồ dùng như thế nào?  - Nhận xét | |

**IV. Điều chỉnh sau tiết dạy** (nếu có)

..................................................................................................................................................................................................................................................................................

***Địa lí***

**CÔNG NGHIỆP**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:** Biết nư­ớc ta có nhiều ngành công nghiệp và thủ công nghiệp

+ Khai thác khoáng sản, luyện kim, cơ khí,...

+Làm gốm, chạm khắc gỗ, làm hàng cói,...

- Nêu tên một số sản phẩm của các ngành công nghiệp và thủ công nghiệp.

- Sử dụng bảng thông tin để bước đầu nhận xét về cơ cấu của công nghiệp.

+ Nêu đặc điểm của nghề thủ công truyền thống của nước ta: nhiều nghề, nhiều thợ khéo tay, nguồn nguyên liệu sẵn có

+ Nêu những ngành công nghiệp và nghề thủ công ở địa phương ( nếu có).

+ Xác định trên bản đồ những địa phương có các mặt hàng thủ công nổi tiếng.

**2. Năng lực*:***

- Năng lực tư chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sán g tạo.

- Năng lực hiểu biết cơ bản về Địa lí, năng lực tìm tòi và khám phá Địa lí, năng lực vận dụng kiến thức Địa lí vào thực tiễn.

**3. Phẩm chất:** Nêu được cách xử lí chất thải công nghiệp để bảo vệ môi trường

+ Sử dụng tiết kiệm và hiệu quả năng lượng trong quá trình sản xuất ra sản phẩm của một số ngành công nghiệp ở nước ta.

+ Sử dụng tiết kiệm và hiệu quả sản phẩm của các ngành công nghiệp đặc biệt: than, dầu mỏ, điện, …

**II. CHUẨN BỊ: Đồ dùng**

- GV: Bản đồ hành chính Việt Nam.

- HS: SGK, vở

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động học tập của HS** | | | **Hoạt động tổ chức, hướng dẫn**  **của GV** |
| **1. Hoạt động khởi động: (3 phút)** | | | |
| - Lớp trưởng điều khiển HS hát  - HS chơi trò chơi"Truyền điện": Kể nhanh các sản phẩm của ngành Lâm nghiệp và thủy sản.  - Lắng nghe  - HS ghi vở | | - GV nhận xét  - Giới thiệu bài- Ghi bảng | |
| **2. Hoạt động hình thành kiến thức mới:(30 phút)** | | | |
| - HS trong lớp tiếp nối nhau báo cáo kết quả. Cách báo cáo như sau:  + Giơ hình cho các bạn xem.  + Nêu tên hình (tên sảm phẩm).  + Nói tên các sản phẩm của ngành đó (hoặc nói tên ngành tạo ra sản phẩm đó).  + Nói xem sản phẩm của ngành đó có được xuất khẩu ra nước ngoài không.  - HS chia nhóm chơi.  - HS chơi theo hướng dẫn của GV.  Ví dụ về một số câu hỏi, câu trả lời:  1. Ngành khai thác khoáng sản nước ta khai thác được loại khoáng sản nào nhiều nhất (than).  2. Kể một số sản phẩm của ngành luyện kim (gang, thép,...)  3. Cá hộp, thịt hộp,... là sản phẩm của ngành nào? (Chế biến thuỷ, hải sản).  - HS làm việc theo nhóm, dán hoặc ghi những gì mình biết về các nghề thủ công, các sản phẩm thủ công vào phiếu của nhóm mình.  - HS cả lớp theo dõi GV nhận xét.  - Mỗi câu hỏi 1 HS trả lời, các HS khác theo dõi và bổ sung ý kiến:  + Nghề thủ công ở nước ta có nhiều và nổi tiếng như: lụa Hà Đông; gốm sứ Bát Tràng, gốm Biên Hoà, chiếu Nga Sơn,...  + Nghề thủ công tạo công ăn việc làm cho nhiều lao động.  + Tận dụng nguồn nguyên liệu rẻ, dễ kiếm trong dân gian... | | | ***\* Hoạt động 1:*** *Một số ngành công nghiệp và sản phẩm của chúng*  - GV tổ chức cho HS cả lớp báo cáo kết quả sưu tầm về các tranh ảnh chụp hoạt động sản xuất công nghiệp hoặc sản phẩm của ngành công nghiệp.  - GV nhận xét kết quả sưu tầm của HS, tuyên dương các em tích cực sưu tầm để tìm được nhiều ngành sản xuất, nhiều sản phẩm của ngành công nghiệp.  ***\*Hoạt động 2:*** *Trò chơi "đối đáp vòng tròn?"*  - GV chia lớp thành 4 nhóm, chọn mỗi nhóm 1 HS làm giám khảo.  - GV nêu cách chơi: Lần lượt mội đội đưa câu hỏi cho đội bạn trả lời, theo vòng tròn, đội 1 đố đội 2, đội 2 đố đội 3, đội 3 đố đội 4, đội 4 đố đội 1. Chơi như vậy 3 vòng. Các câu hỏi phải hỏi về các ngành sản xuất công nghiệp, hoặc các sản phẩm của ngành này. Mỗi câu hỏi đúng tính 10 điểm, mỗi câu trả lời đúng được 10 điểm. Nếu đặt câu hỏi sai bị trừ 2 điểm, nếu trả lời sai bị trừ 2 điểm.  Khi kết thúc cuộc thi, đội nào có nhiều điểm nhất là đội thắng cuộc.  - GV tổng kết cuộc thi, tuyên dương nhóm thắng cuộc.  ***\* Hoạt động 3:*** *Một số nghề thủ công ở nước ta*  - GV tổ chức cho HS làm việc theo nhóm trưng bày kết quả sưu tầm về các trang ảnh chụp hoạt động sản xuất thủ công hoặc sản phẩm của nghề thủ công.  - GV nhận xét kết quả sưu tầm của HS, tuyên dương các em tích cực sưu tầm để tìm được nhiều nghề sản xuất thủ công, nhiều sản phẩm của các nghề thủ công.  - Địa phương ta có nghề thủ công nào?  ***\* Hoạt động 4:*** *Vai trò và đặc điểm của nghề thủ công ở nước ta*  - GV tổ chức cho HS cả lớp cùng trao đổi và trả lời các câu hỏi sau:  + Em hãy nêu đặc điểm của nghề thủ công ở nước ta?  + Nghề thủ công có vai trò gì đối với đời sống nhân dân ta? |
| **3. Hoạt động vận dụng: (2 phút)** | | | |
| - HS nêu  - HS nghe và thực hiện | - Địa phương em có ngành nghề thủ công nào ?  - Nhận xét, dặn dò | | |

**IV. Điều chỉnh sau tiết dạy** (nếu có)

...........................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**Thứ sáu ngày ... tháng ... năm 2021**

***Toán***

**LUYỆN TẬP**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:** Biết:

- Nhân một số thập phân với một số thập phân.

- Sử dụng được tính chất kết hợp của phép nhân các số thập phân trong thực hành tính.

**-** Làm bài 1, bài 2.

**2. Năng lực:**

- Năng tư chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo,

- Năng lực tư duy và lập luận toán học, năng lực mô hình hoá toán học, năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực giao tiếp toán học, năng lực sử dụng công cụ và phương tiện toán học.

**3. Phẩm chất:** Chăm chỉ, trung thực, có trách nhiệm với toán học và cẩn thận khi làm bài, yêu thích môn học.

**II. CHUẨN BỊ: Đồ dùng**

- GV: SGK, bảng phụ, bảng số trong bài tập 1a kẻ sẵn.

- HS : SGK, bảng con, vở...

**III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động học tập của HS** | **Hoạt động tổ chức, hướng dẫn**  **của GV** |
| **1. Hoạt động khởi động: (5 phút)** | |
| - Cả lớp hát  - Cho HS chơi trò chơi***"Gọi thuyền"***  - Cách chơi: + Trưởng trò hô: *Gọi thuyền , gọi thuyền.*  + Cả lớp đáp: *Thuyền ai, thuyền ai*  + Trưởng trò hô: *Thuyền....(Tên HS)*  + HS hô: *Thuyền... chở gì ?*  + Trưởng trò : *Thuyền....chở phép nhân: .....x 0,1 hoặc 0,01; 0,001...*  *+* Trưởng trò kết luận và chuyển sang người chơi khác.  - Ghi vở | - Quan sát, theo dõi  - GV nhận xét  - Giới thiệu bài - Ghi bảng |
| **2. Hoạt động thực hành:(27 phút)** | |
| - 1 HS đọc trước lớp, cả lớp đọc thầm.  - HS cả lớp làm bài vào vở, chia sẻ kết quả . | **Bài 1: Cá nhân**  a) GV yêu cầu HS đọc yêu cầu phần a  - GV yêu cầu HS tự tính giá trị của các biểu thức và viết vào bảng. |
| |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | **a** | **b** | **c** | **(a b) c** | **a (b c)** | | 2,5 | 3,1 | 0,6 | (2,5 3,1) 0,6 = 4,65 | 2,5 (3,1 0,6) = 4,65 | | 1,6 | 4 | 2,5 | (1,6 4) 2,5 = 16 | 1,6 (4 2,5) = 16 | | 4,8 | 2,5 | 1,3 | (4,8 2,5) 1,3 = 15,6 | 4,8 (2,5 1,3) = 15,6 | | |
| - HS nhận xét bài làm của bạn  - HS nhận xét theo hướng dẫn của GV.  + Giá trị của hai biểu thức bằng nhau và bằng 4,65.  + Giá trị của hai biểu thức này luôn bằng nhau.  - Khi học tính chất kết hợp của phép nhân các số tự nhiên ta cũng có  (a b) c = a (bc)  - Phép nhân các số thập phân cũng có tính chất kết hợp vì khi thay chữ bằng các số thập phân ta cũng có :  (ab) c = a (bc)  - HS đọc đề bài  - HS cả lớp làm bài vào vở ,chia sẻ kết quả  9,65 x 0,4 x 2,5 = 9,65 x (0,4 x 2,5)  = 9,65 x 1  = 9,65  0,25 x 40 x 9,84 = (0,25 x 40) x 9,84  = 10 x 9,84  = 98,4  7,38 x 1,25 x 80 = 7,38 x (1,25 x 80)  = 7,38 x 100  = 738  34,3 x 5 x 0,4 = 34,3 x (5 x 0,4)  = 34,3 x 2  = 68,6  - Tính  - 1 HS nêu trước lớp, HS cả lớp theo dõi và nhận xét.  - HS làm bài cặp đôi, kiểm tra chéo, chia sẻ trước lớp  a) (28,7 + 34,5 ) 2,4 = 63,2 2,4  = 151,68  b) 28,7 + 34,5 2,4 = 28,7 + 82,8  = 111,5  - HS đọc, lớp đọc thầm.  - HS làm bài cá nhân, báo cáo giáo viên.  *Bài giải*  *Người đó đi được quãng đường là:*  *12,5 x 2,5 = 31,25 (km)*  *Đáp số: 31,25km* | - GV gọi HS nhận xét  - GV hướng dẫn HS nhận xét để nhận biết tính chất kết hợp của phép nhân các số thập phân.  + Em hãy so sánh giá trị của hai biểu thức (ab) c và a (bc) khi a = 2,5 b = 3,1 và c = 0,6  - GV hỏi tương tự với 2 trường hợp còn lại, sau đó hỏi tổng quát :  + Giá trị của hai biểu thức (ab) c và a (bc) như thế nào khi thay các chữ bằng cùng một bộ số ?  - Vậy ta có : (ab) c = a (bc)  - Em đã gặp (ab) c = a (bc) khi học tính chất nào của phép nhân các số tự nhiên ?  - Vậy phép nhân các số thập phân có tính chất kết hợp không ? hãy giải thích ý kiến của em.  b)GV yêu cầu HS đọc đề bài phần b.  -Yêu cầu HS làm bài  - GV yêu cầu HS nhận xét bài làm của bạn cả về kết quả tính và cách tính.  - GV nhận xét HS.  **Bài 2: HĐ cặp đôi**  - GV yêu cầu HS đọc đề bài.  - GV yêu cầu HS nêu thứ tự thực hiện các phép tính trong một biểu thức có các phép tính cộng, trừ, nhân, chia, biểu thức có dấu ngoặc và không có dấu ngoặc.  - GV yêu cầu HS làm bài, kiểm tra chéo, chia sẻ trước lớp.  - GV chữa bài của HS trên bảng lớp, sau đó nhận xét HS.  **Bài 3(M3,4): HĐ cá nhân**  - Yêu cầu HS đọc bài toán, tìm hiểu và giải.  - Nhận xét |
| **3. Hoạt động vận dụng, trải nghiệm: (3 phút)** | |
| - HS làm bài  - HS nghe và thực hiện | - Cho HS vận dụng làm bài sau:  *Tính bằng cách thuận tiện*  *9,22 x 0,25 x 0,4*  - Nhận xét tiết học |

**IV. Điều chỉnh sau tiết dạy** (nếu có)

...........................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**HOẠT ĐỘNG TẬP THỂ**

**SINH HOẠT LỚP**

**I. MỤC TIÊU::**

- HS nắm được ưu điểm và nhược điểm về các mặt: Học tập, nề nếp, vệ sinh, và việc thực hiện nội quy của trường của lớp.

- HS đưa ra được nhiệm vụ và biện pháp để thực hiện kế hoạch tuần tiếp theo.

- Sinh hoạt theo chủ điểm.

**II. CHUẨN BỊ:**

* Bảng phụ viết sẵn kế hoạch tuần tới.

**III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động học tập của HS** | **Hoạt động tổ chức, hướng dẫn**  **của GV** |
| **1. Hoạt động khởi động:**  **-** Lớptrưởng lên điều hành:  - Cả lớp cùng thực hiện.  **2. Nội dung sinh hoạt:**  - HS lắng nghe và trả lời.  **b. Tiến hành sinh hoạt:**  **\*Hoạt động 1: Đánh giá nhận xét hoạt động trong tuần**  - Lớp trưởng điều hành các tổ báo cáo ưu và khuyết điểm:  - Nề nếp:  - Học tập:  - Vệ sinh:  - Hoạt động khác  + Tổ 1  + Tổ 2  + Tổ 3  - Mời lớp phó báo cáo  - Lớp trưởng báo cáo,nhận xét tuần qua  - Mời GVCN nhận xét, đánh giá  - HS lắng nghe.  **\*Hoạt động 2: Xây dựng kế hoạch trong tuần**  - HS trả lời  - Lớp trưởng điều hành các tổ thảo luận và báo cáo phương hướng tuần 12  + Tổ 1  + Tổ 2  + Tổ 3  - HS nhắc lại kế hoạch tuần  - LT điều hành  + Tổ 1 Kể chuyện  + Tổ 2 Hát  + Tổ 3 Đọc thơ  **3. Tổng kết:**  - Cả lớp cùng hát bài: “Lớp chúng ta đoàn kêt” | - Quan sát  - Giới thiệu, ghi bảng  - GV hỏi để học sinh nêu 3 nội dung hoặc giáo viên nêu.  1. Đánh giá nhận xét hoạt động tuần vừa qua.  2. Xây dựng kế hoạch cho tuần sau.  3. Sinh hoạt theo chủ điểm  - Lắng nghe  - Nhận xét, đánh giá, tuyên dương  - GV giao nhiệm vụ: Các nhóm hãy thảo luận, bàn bạc và đưa ra những việc cần làm trong tuần tới (TG: 5P)  - GV ghi tóm tắt kế hoạch lên bảng hoặc bảng phụ  - Nề nếp: Duy trì và thực hiện tốt mọi nề nếp  - Học tập:  + Lập thành tích trong học tập  + Chuẩn bị bài trước khi tới lớp.  - Vệ sinh: Vệ sinh cá nhân, lớp học, khu vực tư quản sạch sẽ.  - Hoạt động khác  + Chấp hành luật ATGT  + Chăm sóc bồn hoa, cây cảnh lớp học, khu vực sân trường.  - Tiếp tục trang trí lớp học  - Hưởng ứng tuần lễ *Học tập suốt đời*  **\*Hoạt động 3: Sinh hoạt theo chủ điểm**  - GV mời LT lên điều hành:    - GV chốt nội dung, chuẩn bị cho tiết sinh hoạt theo chủ điểm tuân sau. |

**IV. Điều chỉnh sau tiết dạy** (nếu có)

...........................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................